

**TÒA ÁN N DÂN
TỈNH C**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23 /2019/HC-ST

Ngày: 06/11/2019

V/v: Yêu cầu hủy giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất.

N DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN N DÂN TỈNH C**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyễn

Các Hội thẩm N dân: Bà Trần Thị Lan

Ông Dương Văn Phong

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đức Anh

- Đại diện Viện kiểm sát N dân tỉnh C tham gia phiên tòa: Ông Vũ H
Thanh- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án N dân tỉnh C xét xử sơ
thẩm công khai vụ án Hành chính thụ lý số 23/2019/TLST-HC ngày 11/7/2019
về việc: “Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa
vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐXXST-HC ngày 18 tháng 10 năm 2019 của Tòa
án N dân tỉnh C, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Huỳnh Thị N, sinh năm 1971;

Cư trú: Số 8, tổ 3, ấp B, xã H, huyện Châu P, tỉnh C.

Người đại diện hợp pháp của bà Huỳnh Thị N là ông Huỳnh Công T, sinh
năm 1970 đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 20/8/2019).

Cư trú: Số 10, tổ 1, khóm Mỹ H, phường Vĩnh M, thành phố Châu Đốc.

Địa chỉ liên lạc: Số 4, tổ 1, ấp Mỹ T, xã Vĩnh C, thành phố Châu Đốc, tỉnh
C.

- *Người bị kiện:* Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh C.

Địa chỉ: Số 7, đường Trần Hưng Đ, phường B, thành phố Long Xuyên, tỉnh
C.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Phạm Văn M, sinh năm 1940;

2. Lê Thị H, sinh năm 1955;

Cùng cư trú: Số 187, tổ 5, ấp B, xã H, huyện Châu P, tỉnh C.

3. Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện L;

Địa chỉ liên hệ: Số 2, đường L, phường Châu P B, thành phố Châu Đốc, tỉnh C.

4. Ông Huỳnh Quang S, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Số 04, tổ 4, ấp Mỹ T, xã Vĩnh C, thành phố Châu Đốc, tỉnh C.

5. Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Số 44, tổ 1, ấp Mỹ T, xã Vĩnh C, thành phố Châu Đốc, tỉnh C.

6. Ông Huỳnh Quang K, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Số 7, tổ 1, ấp Hòa H, xã Phú H, huyện Phú T, tỉnh C.

7. Ông Huỳnh Quang T, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Số 189, tổ 5, ấp B, xã H, huyện Châu P, tỉnh C.

8. Ông Huỳnh Quang M, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Số 190, tổ 5, ấp B, xã H, huyện Châu P, tỉnh C.

Người đại diện hợp pháp của các ông, bà: Huỳnh Quang S, Huỳnh Thị H, Huỳnh Quang K, ông Huỳnh Quang T, Huỳnh Quang M là ông Huỳnh Công T, sinh năm 1970, đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày ngày 14/10/2019).

Cư trú: Số 100, tổ 4, khóm Mỹ H, phường Vĩnh M, thành phố Châu Đốc.

Địa chỉ liên lạc: Số 1544, tổ 11, ấp Mỹ T, xã Vĩnh C, thành phố Châu Đốc, tỉnh C.

Tại phiên tòa, có mặt các ông bà: Huỳnh Thị N, Huỳnh Công T, Phạm Văn M; vắng mặt các đương sự: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh C; Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện L, bà Lê Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện:

* Người khởi kiện bà Huỳnh Thị N do ông Huỳnh Công T đại diện theo ủy quyền trình bày: Cha của bà N là ông Huỳnh Văn D được ông Huỳnh Văn K tặng cho lại phần đất với diện tích $1.124,5m^2$ loại đất trồng rừng; tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện Châu P, tỉnh C, đất giáp ranh với đất của ông M. Đến năm 1989, cha bà N đã cho bà N phần diện tích đất nêu trên và bà N đã sử dụng ổn định cho đến nay. Việc tặng cho chỉ nói miệng, không có giấy tờ.

- Năm 2017, bà N cho người em cất nhà trên diện tích đất của bà thì ông M tranh chấp nói rằng đất của ông đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sau đây viết tắt GCNQSDĐ), từ đó bà mới biết ông M được cấp GCNQSDĐ, bà yêu cầu Địa chính đo đạc cấp GCNQSDĐ diện tích đất của bà, khi đo đạc xong cán bộ Địa chính cho biết đất của gia đình bà sử dụng, nhưng đã cấp GCNQSDĐ cho ông M.

Bà nộp đơn tại Ban N dân ấp và xã yêu cầu ông M trả lại quyền sử dụng đất cho bà. Khi được Ban N dân ấp hòa giải ngày 29/11/2017, ông M cho biết GCNQSDĐ của ông đã thế chấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện L – Châu Đốc để vay tiền, khi đến hạn ông trả tiền Ngân hàng, nhận GCNQSDĐ ra sẽ làm thủ tục chuyển tên lại cho bà N. Chưa đến hạn trả nợ, ông M trả tiền vay, nhưng không làm thủ tục chuyển tên lại cho bà N mà lại tiếp tục thế chấp GCNQSDĐ vay tiền Ngân hàng cho đến nay.

Do ông M không thực hiện lời hứa, nên bà Huỳnh Thị N yêu cầu Tòa án hủy GCNQSDĐ số CS08233 thửa số 95, diện tích 1.935,2m² do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 29/12/2017 cho ông Phạm Văn M và bà Lê Thị H. Vì đất của bà N có diện tích 1.262,6m² liền ranh với đất của ông M, bà H, bà N sử dụng ổn định từ trước đến nay không tranh chấp ngoài thực địa. Đất của ông M trồng cây mai và trồng rẫy; đất của bà N trồng rẫy, có hàng cây mai của ông M làm ranh.

Việc ông M yêu cầu để khi ông trả nợ Ngân hàng nhận GCNQSDĐ làm thủ tục chuyển tên cho bà N là kéo dài thời gian, không trả nợ Ngân hàng, Ngân hàng sẽ phát mãi đất của bà N trong GCNQSDĐ của ông M, nên bà không đồng ý yêu cầu này

* Người bị kiện: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh C có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và có văn bản trình bày ý kiến:

- Khu đất có diện tích 2.185,6m², thửa đất số 95,96, tờ bản đồ số 02, mục đích sử dụng đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm do ông Phạm Văn M quản lý, sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01170kF do Ủy ban N dân (Sau đây viết tắt UBND) huyện Châu P cấp ngày 10/8/2006, tại xã H, huyện Châu P;

- Ngày 12/10/2017, ông Phạm Văn M có Tờ trình về việc mất GCNQSDĐ (do kẻ trộm đột nhập vào nhà lấy) được UBND xã H xác nhận ngày 16/10/2017. Sau đó, ông Phạm Văn M nộp hồ sơ xin cấp lại GCNQSDĐ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND huyện Châu P.

- Ngày 23/10/2017, Văn phòng Đăng ký đất đai – Chi nhánh Châu P có Thông báo số 310/TB-VPĐKĐDCNCP về việc mất GCNQSDĐ. Thông báo được niêm yết, công khai 30 ngày tại trụ sở UBND xã H theo quy định.

- Ngày 23/11/2017, UBND xã H có Biên bản kết thúc niêm yết, công khai cấp lại GCNQSDĐ, xác nhận không nhận được khiếu nại của cá N hoặc tổ chức nào có liên quan đến quyền sử dụng đất nói trên.

- Ngày 29/12/2017, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Quyết định số 1395/QĐ-STNMT về việc hủy GCNQSDĐ bị mất. Đồng thời cấp lại GCNQSDĐ cho ông Phạm Văn M và bà Lê Thị H 02 GCNQSDĐ: Số bìa CL 900380 vào sổ CS08232, thửa số 96, tờ bản đồ số 02, diện tích 250,4m²; số bìa CL 900379, sổ vào sổ CS08233, thửa số 95, tờ bản đồ số 02, diện tích 1935,2m², mục đích sử dụng: Đất ở và đất trồng cây lâu năm.

Căn cứ Điều 37, 77 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định, Sở Tài Nguyên và Môi trường có thẩm quyền cấp lại GCNQSDĐ và trình tự cấp lại giấy chứng nhận do bị mất là sau 30 ngày niêm yết thông báo mất giấy chứng nhận thì cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 37 của Nghị định này ký quyết định hủy giấy chứng nhận bị mất, đồng thời cấp lại GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất.

Theo quy định nêu trên thì việc Sở Tài Nguyên và Môi trường thực hiện cấp lại giấy chứng nhận bị mất theo yêu cầu của ông Phạm Văn M và bà Lê Thị H là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn M và bà Lê Thị H trình bày:

- Ông, bà có 02 GCNQSDĐ: Số CS08233 thửa số 95, diện tích 1.935,2m² và số CS08232, thửa 96, diện tích 250,4m² do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 29/12/2017 cho ông Phạm Văn M và bà Lê Thị H. Thửa 95 liền ranh với đất của bà N, khi được cấp GCNQSDĐ, ông bà không biết cấp trùm luôn diện tích 1.262,6m² đất làm rẫy của bà N. Sau khi ông, bà thế chấp GCNQSDĐ để vay tiền Ngân hàng, bà N yêu cầu đo đạc đất của bà thì mới biết là đã cấp GCNQSDĐ cho ông M, bà H.

- Ông M và bà H đã thế chấp GCNQSDĐ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện L Chi nhánh C - Phòng Giao dịch Châu Đốc để vay 100.000.000đ, đến ngày 07/11/2019 mới đáo nợ Ngân hàng.

Ông M yêu cầu khi đáo nợ, ông M và bà H trả tiền cho Ngân hàng lấy GCNQSDĐ ra sẽ làm thủ tục chuyển tên quyền sử dụng diện tích đất cho bà N.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Quang S, bà Huỳnh Thị H, ông Huỳnh Quang K, ông Huỳnh Quang T, ông Huỳnh Quang M ủy quyền cho ông Huỳnh Công T thống nhất theo ý kiến và yêu cầu của bà N.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu Điện L do ông Nguyễn Trường S đại diện có văn bản trình bày:

- Ông Phạm Văn M và bà Lê Thị H là khách hàng vay vốn tại Ngân hàng Bưu Điện L – Phòng giao dịch Châu Đốc, đã thế chấp tài sản là Giấy chứng nhận QSDĐ số CS08233 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 19/12/2017. Việc vay vốn và thế chấp tài sản được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Ngân hàng Bưu Điện L – Phòng giao dịch Châu Đốc xin vâng mặt suốt quá trình tố tụng.

Tài liệu do Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu Điện L cung cấp là: Hợp đồng tín dụng ngày 07/12/2018 có nội dung: Ông M, bà H vay vốn 100.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 19/01/2018, nội dung: Ông M, bà H thế chấp 02 GCNQSDĐ: Sổ vào sổ CS08232, thửa số 96, tờ bản đồ số 02, diện tích 250,4m²; sổ vào sổ CS08233, thửa số 95, tờ bản đồ số 02, diện tích 1935,2m².

Tại phiên tòa,

- Các đương sự giữ nguyên yêu cầu như trình bày trên

- Đại diện Viện kiểm sát N dân tỉnh C phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thực hiện đúng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

+ Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng qui định của Luật Tố tụng hành chính.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N hủy GCNQSDĐ số CS08233 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho ông M, bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt HĐXX) nhận định:

[1]. Việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Sở Tài nguyên – Môi trường, Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện L, bà Lê Thị H có yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Khoản 1, Điều 157 của Luật Tố tụng hành chính.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bà Huỳnh Thị N khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án N dân tỉnh C theo quy định tại Khoản 3, Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính.

[3]. Về thời hiệu khởi kiện: Đối tượng khởi kiện là GCNQSDĐ số CS08233 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 29/12/2017 cho ông Phạm Văn M và bà Lê Thị H. Năm 2017, bà N biết được việc ông M, bà H được cấp GCNQSDĐ, đến ngày 07/5/2019, bà N mới khởi kiện là đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính. Tuy nhiên, các đương sự không có yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện, nên Tòa án không áp dụng thời hiệu khởi kiện, tiến hành xét xử đối với vụ án theo Khoản

5 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính và Khoản 2 Điều 149 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4]. Về việc ủy quyền: Huỳnh Thị N, ông Huỳnh Quang S, bà Huỳnh Thị H, ông Huỳnh Quang K, ông Huỳnh Quang T, ông Huỳnh Quang M cùng ủy quyền cho ông Huỳnh Công T tham gia tố tụng. Việc ủy quyền này phù hợp với quy định tại Khoản 3, Điều 60 của Luật Tổ tụng hành chính, nên được Tòa án chấp nhận. Các đương sự đã ủy quyền cho ông Tám thì sự có mặt của ông Tám tại phiên tòa, xem như có mặt của các đương sự đã ủy quyền.

[5]. Về thủ tục tố tụng: Sở Tài nguyên và Môi trường, Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện L xin vắng mặt suốt quá trình tố tụng, nên Tòa án lập Biên bản về việc không tiến hành đối thoại được theo quy định tại Khoản 1, Điều 135 của Luật Tổ tụng hành chính.

[6]. Về nội dung: Bà Huỳnh Thị N yêu cầu hủy GCNQSDĐ số bìa CL00397, số vào sổ CS08233, thửa số 95, diện tích 1.935,2m² do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 29/12/2017 cho ông Phạm Văn M và bà Lê Thị H, HĐXX xem xét tính hợp pháp của GCNQSDĐ này:

[7]. Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ: HĐXX xét thấy theo các tài liệu do Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp đã thể hiện Sở Tài nguyên và Môi trường cấp GCNQSDĐ cho ông M, bà H là đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

[8]. Về nội dung cấp GCNQSDĐ số vào sổ CS08233: HĐXX xét thấy ông Phạm Văn M và bà Lê Thị H được UBND huyện Châu P cấp GCNQSDĐ số H01170kF, ngày 10/8/2006, diện tích 2.185,6m², thửa đất số 95,96, tờ bản đồ số 02, mục đích sử dụng đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm tại xã H, huyện Châu P. Do ông M trình báo mất GCNQSDĐ và có yêu cầu cấp lại GCNQSDĐ khác, nên được Sở Tài nguyên và Môi trường lập thủ tục và ban hành Quyết định số 1395/QĐ-STNMT về việc hủy GCNQSDĐ bị mất. Đồng thời cấp lại cho ông Phạm Văn M và bà Lê Thị H 02 GCNQSDĐ: Số bìa CL 900380 vào sổ CS08232, thửa số 96, tờ bản đồ số 02, diện tích 250,4m²; số bìa CL 900379, số vào sổ CS08233, thửa số 95, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.935,2m², mục đích sử dụng: Đất ở và đất trồng cây lâu năm. Trong đó, GCNQSDĐ số vào sổ CS08233 thửa số 95, diện tích 1.935,2m² đã cấp trùng lên diện tích đất 1.262,6m² do gia đình bà N sử dụng ổn định từ trước đến nay không tranh chấp. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông M, bà H cũng xác nhận GCNQSDĐ của ông bà đã cấp trùng lên diện tích đất của gia đình bà N. Việc xác nhận của ông M, bà H phù hợp với Bản đồ hiện trạng sử dụng đất do Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh Châu P lập ngày 26/6/2018 khi đo đạc theo yêu cầu của bà Huỳnh Thị N. Việc xác nhận của ông M, bà H là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Khoản 2 Điều 79 của Luật Tổ tụng hành chính.

[9]. Các chứng cứ nêu trên đã thể hiện đất đang do gia đình bà N quản lý sử dụng từ trước đến nay. Ông M, bà H không có quá trình sử dụng đất này, nhưng lại đăng ký, kê khai và được cấp UBND huyện Châu P cấp GCNQSDĐ là không đúng đối tượng sử dụng đất thuộc trường hợp phải thu hồi GCNQSDĐ theo quy định tại Điểm d, Khoản 2, Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013. Ngày 29/12/2017 Sở Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Quyết định số 1395/QĐ-STNMT hủy bỏ GCNQSDĐ này (do mất giấy), nên không cần thiết phải tuyên hủy một lần nữa. Sở Tài nguyên và Môi trường cấp GCNQSDĐ số vào sổ CS08233 cho ông M, bà H trên cơ sở GCNQSDĐ do UBND huyện Châu P cấp không đúng đối tượng, nên cần phải hủy bỏ để ông M, bà N thực hiện đăng ký cấp lại GCNQSDĐ đúng diện tích đất đang quản lý sử dụng.

[10]. Việc ông M, bà H thế chấp GCNQSDĐ vay tiền của Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện L, nếu ông M, bà H không trả tiền theo Hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[11]. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N và đề nghị của Kiểm sát viên hủy GCNQSDĐ số bìa CL 900379, số vào sổ CS08233, thửa số 95, tờ bản đồ số 02, diện tích 1935,2m² do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 29/12/2017 cho ông Phạm Văn M và bà Lê Thị H.

[12]. Về án phí Hành chính sơ thẩm:

[13]. + Bà N không phải chịu án phí được nhận lại tiền tạm ứng đã nộp,

[14]. + Sở Sở Tài nguyên và Môi trường phải chịu 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[15]. Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ: Khoản 1, Điều 30; Khoản 4, Điều 32; Điểm b, Khoản 1, Điều 193; Khoản 1, Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Khoản 2, Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị N.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa CL 900379, số vào sổ CS08233, thửa số 95, tờ bản đồ số 02, diện tích 1935,2m² do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 29/12/2017 cho ông Phạm Văn M và bà Lê Thị H.

- Buộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh C thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

- Về án phí hành chính sơ thẩm:

+ Sở Tài nguyên và Môi trường phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm;

+ Bà Huỳnh Thị N được nhận lại 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0004246 ngày 11/7/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh C.

- Về thời hạn kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh C; Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện L, Lê Thị H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

HỘI THẨM N DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Nguyễn